

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2023
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm, ông Nguyễn Tiến Dũng

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu 2, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lê Văn H - sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu 2, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H đăng ký kết hôn ngày 09/01/2016 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ngoài ra còn có mâu thuẫn về kinh tế của vợ chồng đó là anh H rất muốn chị đi làm các công việc để có tiền đưa cho anh H chi tiêu, chị cảm thấy tiền là trên hết đối với anh H, thời gian chị đi làm xa nhà thì anh H hay gọi điện yêu cầu chị gửi tiền về cho anh H chi tiêu, trong khi đó anh H không hỏi thăm chị về sức khỏe và công việc của chị như thế nào, lẽ ra sau khi kết hôn thì vợ chồng ở gần nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng lúc nào cũng muốn chị đi làm xa nhà để có tiền đưa cho anh H chi tiêu. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, thời gian này hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Chị và anh H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 09/01/2016 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2016 thì chị H đi xuất khẩu lao động tại nước Đài Loan. Việc chị H đi xuất khẩu lao động không phải chi phí bất cứ khoản tiền nào vì đi theo cH trình ưu đãi của Nhà nước. Khi chị H đi xuất khẩu lao động, hai vợ chồng đã thống nhất là chị H đi để phát triển kinh tế nhưng từ ngày đi đến nay chị H không gửi về cho anh khoản tiền nào, anh có gọi điện cho chị H là gửi về cho anh 10.000.000 đồng để anh nộp tiền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của riêng anh nhưng chị H không gửi. Khoảng tháng 7/2023 chị H về nước nhưng không gọi điện thông báo cho anh biết, sau khi chị H về nước không sống chung cùng với anh mà lại về xã H Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang là quê H của chị H để sinh sống. Khi biết chị H về nước thì anh có gọi điện cho chị H bảo về nhà anh để sinh sống thì chị H trả lời là để mấy hôm nữa thì về nhưng chị H không về, mặc dù chị H không về chung sống với anh nhưng anh cũng không đến nhà chị H hỏi thăm. Trước khi kết hôn với anh thì chị H đã có chồng và đã ly hôn, còn anh có vợ là chị Tạ Thị Thanh Huyền nhưng anh và chị Huyền đã ly hôn, anh và chị H hiện nay đều có con riêng. Nay anh xác định tình cảm với chị H không còn, chị H xin ly hôn thì anh nhất trí với điều kiện chị H gặp anh để trao đổi về quan hệ hôn nhân, từ ngày đi xuất khẩu lao động đến nay chị H phải thanh toán cho anh 70.000.000 đồng vì vợ chồng thống nhất là chị H đi xuất khẩu lao động để phát triển kinh tế, mẹ đẻ của anh hiện nay đã 97 tuổi nên thường xuyên bị ốm và đã 5 lần bị gãy chân, gãy tay nhưng chị H không gửi

khoản tiền nào về chăm sóc mẹ đẻ của anh. Ngoài lý do này thì anh không còn lý do nào khác về việc đồng ý cho chị H ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Anh và chị H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn anh Lê Văn H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết vì không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh Lê Văn H là bị đơn hiện cư trú tại xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh Lê Văn H, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H đăng ký kết hôn ngày 09/01/2016 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp. Chị H và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị H xin ly hôn thì anh H nhất trí với điều kiện chị H gặp anh H để trao đổi về quan hệ hôn nhân và chị H phải đưa cho anh H 70.000.000 đồng. Tòa án tiến hành xác minh tại khu dân cư nơi anh H sinh sống, nội dung xác minh thể hiện

là chị H và anh H không chung sống với nhau từ khoảng tháng 10/2016 đến nay. Theo trình bày của các bên đương sự và nội dung Tòa án xác minh, chị H và anh H sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn nên không có con chung và không có tài sản chung, hiện vợ chồng đang sống ly thân và hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn anh H là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc xin ly hôn anh H là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc xin ly hôn anh H nên xử cho chị H được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Xét thấy chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H không có con chung nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Xét thấy chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H không có nên không giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn anh Lê Văn H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn H.

3. Về con chung: Không giải quyết vì chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H không có.

4. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết vì chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002536 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày giao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên